

FAMOTIDIN 40mg

VIÊN BAO PHIM

THÀNH PHẦN: Mỗi viên bao phim chứa:

- + **Hoạt chất chính:** Famotidin.....40mg
- + **Tá dược:** Tinh bột ngô, lactose, PVP, magnesi stearat, bột talc, aerosil, HPMC, titan oxyd, dầu thầu dầu, màu violet.

CHỈ ĐỊNH:

- Loét dạ dày hoạt động lành tính, loét tá tràng hoạt động.
- Bệnh trào ngược dạ dày – thực quản.
- Bệnh lý tăng tiết đường tiêu hóa (ví dụ: hội chứng Zollinger – Ellison, đa u tuyến nội tiết)

CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Dị ứng với các thành phần của chế phẩm

LIỀU LƯỢNG & CÁCH DÙNG: **THEO SỰ CHỈ DẪN CỦA THẦY THUỐC**

• **Loét tá tràng :**

- Cấp tính: liều cho người lớn là 40mg/ngày, một lần vào giờ đi ngủ. Hầu hết khỏi bệnh trong vòng 4 tuần, một số rất hiếm cần điều trị dài hơn 6 - 8 tuần, có thể dùng 20mg x 2 lần/ngày.
- Duy trì: 20mg/ngày, một lần vào giờ đi ngủ.

• **Loét dạ dày lành tính :**

- Cấp tính: liều cho người lớn là 40mg/ngày, một lần vào giờ đi ngủ.

• **Bệnh trào ngược dạ dày – thực quản :**

- Liều cho người lớn là 20mg x 2 lần/ngày, cho tới 6 tuần.
- Liều cho người bệnh viêm thực quản có loét kèm trào ngược là 20 hoặc 40mg x 2 lần/ngày, cho tới 12 tuần.

- **Các bệnh lý tăng tiết dịch vị :** liều bắt đầu ở người lớn là 20mg/lần/6 giờ, có thể bắt đầu liều cao hơn ở một số người bệnh, liều phải điều chỉnh theo từng người và kéo dài theo chỉ định lâm sàng. Có thể nâng liều 160mg/lần cách 6 giờ cho người có hội chứng Zollinger – Ellison nặng. Dùng đồng thời thuốc chống acid nếu cần.

- **Điều chỉnh liều ở người suy thận nặng:** người suy thận có hệ số thanh thải creatinin dưới 10ml/phút, nửa đời thải trừ của famotidin trên 20 giờ, ở người vô niệu là 24 giờ. Tuy không có mối liên quan giữa tác dụng phụ và nồng độ thuốc cao trong huyết tương, nhưng để tránh tích lũy thuốc quá mức, cần giảm liều xuống 20mg, uống vào giờ đi ngủ hoặc khoảng cách dùng thuốc phải kéo dài tới 36 - 48 giờ theo đáp ứng lâm sàng.

• **Người cao tuổi và trẻ em:**

- Độ an toàn và hiệu lực của thuốc đối với trẻ em chưa được xác định.
- Liều dùng không cần thay đổi theo tuổi, chỉ điều chỉnh ở người suy thận nếu cần.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Thường gặp:

- Toàn thân: nhức đầu, chóng mặt.
- Tiêu hóa: táo bón, tiêu chảy

ít gặp:

- Toàn thân: sốt, mệt mỏi, suy nhược.
- Tim mạch: loạn nhịp
- Tiêu hóa: vàng da ứ mật, enzym gan bất thường, buồn nôn, nôn, chán ăn, khó chịu ở bụng, khô miệng.
- Phản ứng quá mẫn: choáng phản vệ, phù mạch, phù mắt, phù mặt, mày đay, phát ban, sung huyết kết mạc.
- Cơ xương: đau cơ xương, gồm chuột rút, đau khớp.
- Thần kinh: co giật toàn thân, rối loạn tâm thần như ảo giác, lú lẫn, kích động, trầm cảm lo âu, suy giảm tình dục, dị cảm, mất ngủ, ngủ gà.
- Hô hấp: co thắt phế quản.
- Giác quan: mất vị giác, ù tai.

Hiếm gặp:

- Tim mạch: bloc nhĩ thất, đánh trống ngực.
- Máu: giảm bạch cầu hạt, giảm huyết cầu toàn thể, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu.
- Hoại tử da nhiễm độc, rụng tóc, rụng cá, ngứa, khô da, đỏ ửng.
- Tác dụng khác: liệt dương, vú to ở đàn ông.

Ghi chú: Thông báo cho bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

THẬN TRỌNG:

- Đáp ứng triệu chứng với famotidin không loại trừ được tính chất ác tính của loét dạ dày.
- Thận trọng ở người suy thận, phải giảm liều hoặc tăng khoảng cách giữa các liều.
- Trừ trường hợp có hướng dẫn của thầy thuốc, người bệnh tự điều trị nên ngừng thuốc nếu vẫn còn các triệu chứng ợ nóng (rất ngực), tăng tiết acid dịch vị, xót rát dạ dày sau khi đã điều trị thuốc liên tục 2 tuần mà không khỏi.
- **Phụ nữ mang thai:** nghiên cứu ở động vật cho thấy không có hại đến thai. nhưng không phải luôn luôn giống ở người, thuốc chỉ được dùng cho người mang thai khi thật cần.
- **Phụ nữ nuôi con bú:** famotidin có bài tiết qua sữa mẹ. Người mẹ nên ngừng cho con bú trong thời kỳ dùng thuốc, hoặc ngừng dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

- Thức ăn và thuốc kháng acid: thức ăn làm tăng nhẹ và thuốc kháng acid làm giảm nhẹ sinh khả dụng của famotidin.
- Tác dụng đến sự thanh thải thuốc ở gan: khác với cimetidin và ranitidin, famotidin không ức chế chuyển hóa bằng hệ enzym gan cytochrom P450 các thuốc bao gồm warfarin, theophyllin, phenytoin, diazepam và procainamid. Famotidin cũng không tác động đến chuyển hóa, độ thanh thải và nửa đời của amino phenazon hay phenazon. Famotidin không ảnh hưởng đến bài tiết của indocyanin xanh lục.

QUÁ LIỀU - XỬ TRÍ:

- Chưa gặp quá liều cấp.
- Ở người bệnh tăng tiết dịch vị bệnh lý đã uống tới 800mg famotidin /ngày cũng chưa thấy xảy ra các biểu hiện ngộ độc nặng.
- Điều trị: biện pháp thông thường là loại bỏ thuốc chưa hấp thu càng nhanh càng tốt khỏi đường ruột. Điều trị triệu chứng và hỗ trợ cần tiến hành ngay. Giám sát lâm sàng.

QUI CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 10 vỉ x 10 viên bao phim.

Chai 100 viên bao phim.

BẢO QUẢN:

Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG:

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN:

ĐVN IV

CHÚ Ý: Không sử dụng thuốc nếu:

- * Viên thuốc bị biến màu, nứt vỡ.
- * Vỉ thuốc bị rách.
- * Chai thuốc bị nứt, mất nhãn

- Phải ngừng dùng thuốc ngay và thông báo cho bác sỹ khi gặp những triệu chứng dị ứng.
- Để xa tầm tay trẻ em.
- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ.
- Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên nhãn



VIDIPHA

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM T.Ư VIDIPHA

184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

ĐT: (08)-38440106

Fax: (84-8)-38440446

Sản xuất tại chi nhánh

CÔNG TY CPDP T.Ư VIDIPHA TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ấp Tân Bình, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương